

PHỤ LỤC SỐ 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 664 /BC-HĐQTCSVN

TP.HCM, ngày 29 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(06 tháng đầu năm 2025)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần
- Địa chỉ trụ sở chính: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 39325234 ; Fax: 028 39327341; Email: vrg@rubbergroup.vn
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: GVR
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	147/BB- ĐHĐCĐCSVN	17/06/2025	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
02	148/NQ- ĐHĐCĐCSVN	17/06/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2025):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (TV.HĐQT độc lập, TV.HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT	12/01/2022	
2	Ông Lê Thanh Hưng	TV. HĐQT	13/01/2022	
3	Ông Trần Ngọc Thuận	TV.HĐQT không ĐH	22/05/2018	17/06/2025
4	Ông Hà Văn Khương	TV.HĐQT không ĐH	22/05/2018	
5	Ông Đỗ Hữu Phước	TV. HĐQT	17/06/2024	
6	Ông Nguyễn Đông Phong	TV độc lập HĐQT	17/06/2024	
7	Ông Nguyễn Hay	TV độc lập HĐQT	22/05/2018	

2. Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Công Kha	02/02	100%	
2	Ông Lê Thanh Hưng	02/02	100%	
3	Ông Trần Ngọc Thuận	00/01	0%	28/6/2024 HĐQT đã thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm, 17/6/2025 ĐHĐCĐ miễn nhiệm
4	Ông Hà Văn Khương	02/02	100%	
5	Ông Đỗ Hữu Phước	02/02	100%	
6	Ông Nguyễn Đông Phong	01/02	50%	Bận công tác
7	Ông Nguyễn Hay	02/02	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, tình hình thực tế thị trường và đúng quy định pháp luật, kết quả như sau.

Chỉ tiêu hoạt động SXKD chính 06 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: Tỷ VNĐ)

Stt	Chỉ tiêu	06 tháng đầu Năm 2025
1	Tổng doanh thu (thuần)	13.232
2	Lợi nhuận trước thuế	3.401
3	Nộp ngân sách	1.421

(Ghi chú: Số liệu thực hiện 6 tháng năm 2025 chưa được kiểm toán)

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (06 tháng năm 2025):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQTCSVN	13/01/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
2	02/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
3	03/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
4	04/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
5	05/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
6	06/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
7	07/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
8	08/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
9	09/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
10	10/NQ-HĐQTCSVN	24/01/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
11	11/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
12	12/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
13	13/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
14	14/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
15	15/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
16	16/NQ-HĐQTCSVN	10/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
17	17/NQ-HĐQTCSVN	10/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
18	18/NQ-HĐQTCSVN	19/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
19	19/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
20	20/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
21	21/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
22	22/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
23	23/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
24	24/NQ-HĐQTCSVN	24/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
25	25/NQ-HĐQTCSVN	25/02/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
26	26/NQ-HĐQTCSVN	27/02/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
27	27/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
28	28/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
29	29/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
30	30/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
31	31/NQ-HĐQTCSVN	06/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
32	32/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
33	33/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
34	34/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
35	35/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
36	36/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
37	37/NQ-HĐQTCSVN	12/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
38	38/NQ-HĐQTCSVN	13/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
39	39/NQ-HĐQTCSVN	13/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
40	40/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
41	41/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
42	42/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
43	43/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
44	44/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
45	45/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
46	46/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
47	47/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
48	48/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
49	49/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
50	50/NQ-HĐQTCSVN	19/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
51	51/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
52	52/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
53	53/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
54	54/NQ-HĐQTCSVN	24/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
55	55/NQ-HĐQTCSVN	24/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	57,14%
56	56/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
57	57/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
58	58/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
59	59/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
60	60/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
61	61/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
62	62/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
63	63/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
64	64/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ kỳ họp Quý I năm 2025 của HĐQT	85,71%
65	65/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
66	66/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
67	67/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
68	68/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
69	69/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
70	70/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
71	71/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
72	72/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
73	73/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
74	74/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
75	75/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
76	76/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
77	77/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	NQ về gia hạn thời gian, nội dung, hình thức và thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	85,71%
78	78/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
79	79/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
80	80/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
81	81/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
82	82/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
83	83/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
84	84/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
85	85/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
86	86/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
87	87/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
88	88/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
89	89/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
90	90/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
91	91/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
92	92/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
93	93/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
94	94/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
95	95/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
96	96/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
97	97/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
98	98/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
99	99/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
100	100/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
101	101/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
102	102/NQ-HĐQTCSVN	25/04/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
103	103/NQ-HĐQTCSVN	28/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
104	104/NQ-HĐQTCSVN	28/04/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
105	105/NQ-HĐQTCSVN	06/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
106	106/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
107	107/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
108	108/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
109	109/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
110	110/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
111	111/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
112	112/NQ-HĐQTCSVN	09/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
113	113/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
114	114/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
115	115/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
116	116/NQ-HĐQTCSVN	15/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
117	117/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
118	118/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
119	119/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
120	120/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
121	121/NQ-HĐQTCSVN	20/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
122	122/NQ-HĐQTCSVN	21/05/2025	NQ về tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	85,71%
123	123/NQ-HĐQTCSVN	21/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
124	124/NQ-HĐQTCSVN	21/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
125	126/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
126	127/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
127	128/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
128	129/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
129	130/NQ-HĐQTCSVN	28/05/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
130	131/NQ-HĐQTCSVN	03/06/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
131	132/NQ-HĐQTCSVN	03/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
132	133/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
133	134/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
134	135/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
135	136/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
136	137/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
137	138/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
138	139/NQ-HĐQTCSVN	09/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
139	140/NQ-HĐQTCSVN	09/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
140	141/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
141	142/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
142	143/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
143	144/NQ-HĐQTCSVN	13/06/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
144	145/NQ-HĐQTCSVN	16/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	71,43%
145	146/NQ-HĐQTCSVN	17/06/2025	NQ về công tác cán bộ	85,71%
146	149/NQ-HĐQTCSVN	19/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
147	150/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
148	151/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
149	152/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
150	153/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
151	154/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
152	155/NQ-HĐQTCSVN	23/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
153	156/NQ-HĐQTCSVN	23/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
154	157/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
155	158/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	85,71%
156	159/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
157	160/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%
158	161/NQ-HĐQTCSVN	26/06/2025	NQ kỳ họp Quý II năm 2025	100%
159	162/NQ-HĐQTCSVN	26/06/2025	NQ về công tác cán bộ	100%
160	163/NQ-HĐQTCSVN	30/06/2025	NQ về công tác SXKD – Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 06 tháng năm 2025):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Văn Hòai Em	Trưởng Ban	17/06/2024	Cử nhân kinh tế; Chứng chỉ Kiểm toán viên (CPA)
2	Ông Võ Văn Tuấn	Kiểm soát viên	12/01/2022	Thạc sĩ Nông nghiệp
3	Ông Nguyễn Minh Đức	Kiểm soát viên	12/01/2022	Kỹ sư Xây dựng

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Văn Hòai Em	02	100%	100%	
2	Ông Võ Văn Tuấn	02	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Minh Đức	02	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành:

- Quá trình giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn trong sáu tháng đầu năm 2025, Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị luôn tuân thủ đầy đủ các quy định trong chỉ đạo, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo quy định. Trong các phiên họp Hội đồng Quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng Quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 vào ngày 17/6/2025 theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy định để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác sau cổ phần hóa, quyết liệt và kịp thời; Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật.

Tập đoàn đã thực hiện việc công bố thông tin theo đúng các quy định hiện hành kịp thời và chính xác.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong sáu tháng đầu năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện hoạt động của Ban. Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tập đoàn, đã đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương, quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo các chủ trương quyết định được ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Tập đoàn. Ban Kiểm soát đã có ý kiến nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hoạt động khác của BKS: ngoài những nội dung trên, 6 tháng đầu năm 2025 Ban kiểm soát Tập đoàn thực hiện các nội dung chính, như sau:

- Giám sát việc xây dựng và giao kế hoạch năm 2025 của Tập đoàn và các đơn vị; Thẩm định báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Công ty mẹ Tập đoàn năm 2024; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 để trình ĐHCĐ năm 2025; Giám sát công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty mẹ - Tập đoàn.

- Kiểm tra hoạt động SXKD tại một số đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn; Việc thực hiện chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - CTCP đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035; kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển đến hết năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - CTCP.

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên BDH
1	Ông Lê Thanh Hưng	1966	Thạc sĩ kinh tế nông nghiệp	13/01/2022
2	Ông Trần Thanh Phụng	1968	Cử nhân kinh tế Thạc sĩ QTKD	18/02/2020
3	Ông Trương Minh Trung	1968	Cử nhân cơ khí nông nghiệp Thạc sĩ QTKD	01/6/2018

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên BDH
4	Ông Phạm Hải Dương	1966	Thạc sỹ Nông nghiệp	08/9/2023
5	Ông Đỗ Hữu Phước	1968	Thạc sỹ – Kỹ thuật	01/6/2022
6	Ông Lê Đình Bửu Trí	1970	Thạc sỹ – Tài chính và Thương mại quốc tế	01/6/2022
7	Ông Huỳnh Kim Nhựt	1973	Thạc sỹ – Kinh tế	01/6/2022

V. Kế toán trưởng

Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lưu Thị Tố Như	1980	Cử nhân tài chính ngân hàng	Bổ nhiệm là phụ trách kế toán: 17/06/2024

VI. Đào tạo về quản trị công ty: Không có

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Trần Công Kha		Chủ tịch HĐQT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/6/2018			Người nội bộ
2	Lê Thanh Hưng		TV HĐQT Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	18/02/2020			Người nội bộ
3	Trần Ngọc Thuận		Thành viên HĐQT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/6/2018	17/6/2025	Thôi giữ chức vụ	Người nội bộ
4	Hà Văn Khương		Thành viên HĐQT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/6/2018			Người nội bộ
5	Đỗ Hữu Phước		TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/6/2022			Người nội bộ
6	Nguyễn Đông Phong		Thành viên HĐQT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	17/06/2024			Người nội bộ
7	Nguyễn Hay		Thành viên HĐQT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/6/2018			Người nội bộ
8	Phạm Văn Hồi Em		Trưởng Ban KS				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/01/2019			Người nội bộ
9	Võ Văn Tuấn		Kiểm soát viên				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	12/01/2022			Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
10	Nguyễn Minh Đức		Kiểm soát viên				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	12/01/2022			Người nội bộ
11	Trương Minh Trung		Phó Tổng Giám đốc	-			236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/6/2018			Người nội bộ
12	Trần Thanh Phụng		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	18/02/2020			Người nội bộ
13	Lê Đình Bửu Trí		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/6/2022			Người nội bộ
14	Huỳnh Kim Nhựt		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	01/6/2022			Người nội bộ
15	Phạm Hải Dương		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	08/9/2023			Người nội bộ
16	Hoàng Đôn Huân		Người phụ trách Quản trị Tập đoàn, Người được UQ CBTT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	20/9/2023			Người nội bộ
17	Lưu Thị Tố Như		Phụ trách kế toán Tập đoàn				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Xuân Hòa, TP.HCM	17/06/2024			Người nội bộ
18	Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp						Số 6 Bà Huyện Thanh Quan, Ba Đình, Hà Nội	15/11/2018	28/02/2025	Chuyển giao cho Bộ Tài chính	Cổ đông trên 10%

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
19	Bộ Tài chính						Số 28 Trần Hưng Đạo – Phường Cửa Nam - Hà Nội	28/02/2025			Cổ đông trên 10%
20	Danh sách công ty con										Công ty con
20.1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai						Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, tp Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	01/06/2018			Công ty con
20.2	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long						Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng						Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.4	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh						Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.5	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng						Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.6	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk						Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.7	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo						499 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Drăng, huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk	01/06/2018			Công ty con
20.8	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông						Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	01/06/2018			Công ty con
20.9	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê						420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	01/06/2018			Công ty con
20.10	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum						258 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	01/06/2018			Công ty con
20.11	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang						536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	01/06/2018			Công ty con
20.12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh						01 Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Phú Hoà, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	01/06/2018			Công ty con
20.13	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam						Quốc lộ 1 A, xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	01/06/2018			Công ty con
20.14	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam						Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.15	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh						Km22, QL 15A, xã Hà Linh, huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	01/06/2018			Công ty con
20.16	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê -Hà Tĩnh						Xóm 12 xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	01/06/2018			Công ty con
20.17	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa						Đường Lý Nam Đế, khu đô thị mới Đông Hưng, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	01/06/2018			Công ty con
20.18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị						264 đường Hùng Vương, Phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	01/06/2018			Công ty con
20.19	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận						Thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	01/06/2018			Công ty con
20.20	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi						Xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	01/06/2018			Công ty con
20.21	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam						196 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	01/06/2018			Công ty con
20.22	Trung tâm Y tế Cao su						410 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.23	Tạp chí Cao su Việt Nam						196 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	01/06/2018			Công ty con
20.24	Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su						1428 Phú Riêng Đỏ, Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.25	Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn						Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	01/06/2018			Công ty con
20.26	Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc						263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	01/06/2018			Công ty con
20.27	Công ty Cổ phần VRG Đắk Nông						Phường Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	01/06/2018			Công ty con
20.28	Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su						64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	01/06/2018			Công ty con
20.29	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi Sao Geru						1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	01/06/2018			Công ty con
20.30	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị						KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.31	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa						Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.32	Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào						207 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	01/06/2018			Công ty con
20.33	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình						Áp 7, xã Hòa Bình, h. Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	01/06/2018			Công ty con
20.34	Công ty Cổ phần Cao su Hàng Gòn						Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	01/06/2018			Công ty con
20.35	Công ty Cổ phần Quasa Geruco						D21, TTTM Đông Nam Á, Thị trấn Lao Bảo, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị	01/06/2018			Công ty con
20.36	Công ty Cổ phần TM Dịch vụ & Du lịch Cao su						Đại lộ Hoà Bình, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	01/06/2018			Công ty con
20.37	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên						Phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.38	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An						Đại lộ Bình Dương, xã Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.39	Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng						Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.40	Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Khách sạn Hưng Yên						Số nhà 611, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	01/06/2018			Công ty con
20.41	Công ty Cổ phần Cơ khí Cao Su						Số 12, Đường HT25, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	01/06/2018			Công ty con
20.42	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú						Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.43	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh						Quốc lộ 22B, xã Hiệp Thành, huyện Gò Dầu, Tây Ninh	01/06/2018			Công ty con
20.44	Công ty Cổ phần Cao su Sơn La						Tổ 11, Phường Chiềng Lề, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La	01/06/2018			Công ty con
20.45	Công ty Cổ phần Cao Su Điện Biên						Đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, T. Điện Biên	01/06/2018			Công ty con
20.46	Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu						Tổ 5, phường Đoàn kết, thị xã Lai Châu, T. Lai Châu	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.47	Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy						308E Phan Đình Phùng, Phường Ngô Mỹ, TP. Kon Tum, T.Kon Tum	01/06/2018			Công ty con
20.48	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An						Số 17, đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, TP. Vinh, T. Nghệ An	01/06/2018			Công ty con
20.49	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom						Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	01/06/2018			Công ty con
20.50	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa						Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	01/06/2018			Công ty con
20.51	Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie						Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.52	Công ty Cổ phần VRG Phú Yên						Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	01/06/2018			Công ty con
20.53	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên						Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	01/06/2018			Công ty con
20.54	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Dầu Giây						Km 2, tỉnh lộ 769, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.55	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Long Khánh						Khu công nghiệp Long Khánh, xã Bình Lộc, tp Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	01/06/2018			Công ty con
20.56	Công ty Cổ phần Cao su Hà Giang						Nhóm 4, Tổ 9, Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	01/06/2018			Công ty con
20.57	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát						Thửa đất số 117, 118, tờ bản đồ số 15, ấp 1, xã Hưng Hoà, huyện Bàu Bàng, Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.58	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú Kratie						Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.59	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Nai Kratie						Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	01/06/2018			Công ty con
20.60	Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh						Thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum	01/06/2018			Công ty con
20.61	Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú						Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.62	Công ty Cổ phần Cao su Bảo Lâm						Xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.63	Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền						Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, đường D1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.64	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang						Lô M, đường số 1, KCN Thanh Lộc, xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	01/06/2018			Công ty con
20.65	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh						Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.66	Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh						Áp Bến Mương, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, Tây Ninh	01/06/2018			Công ty con
20.67	Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng						Khu phố 4A thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.68	Công ty Cổ phần Phân bón Thương mại Phú Thịnh						Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, huyện Đắc Mĩ, tỉnh Đắc Nông	01/06/2018			Công ty con
20.69	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II						Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.70	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa Kampong Thom						Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	01/06/2018			Công ty con
20.71	Công ty Cổ phần Cao su Chư sê Kampong Thom						Số 420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	01/06/2018			Công ty con
20.72	Công ty Cổ phần Cao su Mang Yang Ratanakiri						Số 536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đắk Đoa, huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai	01/06/2018			Công ty con
20.73	Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa Kampong Thom						Xã Boeung Lavea, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	01/06/2018			Công ty con
20.74	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú						Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.75	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long						Ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
2.76	Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái						Thôn 2, xã Tân Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.77	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai						Số nhà 186, đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	01/06/2018			Công ty con
20.78	Công ty Cổ phần Cao su Krông Buk Ratanakiri						Xã Ea Hồ, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	01/06/2018			Công ty con
20.79	Công ty Cổ phần Cao su Chư Prông Stung Treng						Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	01/06/2018			Công ty con
20.80	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie						Số 33, Tổ 26, khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.81	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia						Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.82	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai						Đường số 7, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	01/06/2018			Công ty con
20.83	Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K						Xã Don Cam Pech, huyện San Dan, Tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.84	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Bình						Xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.85	Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn						Áp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	01/06/2018			Công ty con
20.86	Công ty TNHH Cao su Bolikhamxay Hà Tĩnh						Tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	01/06/2018			Công ty con
20.87	Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp						Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia	01/06/2018			Công ty con
20.88	Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay						Tỉnh Oudomxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	01/06/2018			Công ty con
20.89	Công ty TNHH VKETI						Tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia	01/06/2018			Công ty con
20.90	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lai Châu						Khu 2, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	01/06/2018			Công ty con
20.91	Công ty TNHH Cao su Ea H'leo BM						Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia	01/06/2018			Công ty con
20.92	Công ty TNHH Cao su Phước Hòa Đắk Lắk						138 Hùng Vương, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	01/06/2018			Công ty con

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*	Ngày cấp NSH	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
20.93	Công ty Cổ phần Cao su Mường Nhé Điện Biên						Bản Mường Nhé, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	01/06/2018			Công ty con
20.94	Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van						Tỉnh Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	01/06/2018			Công ty con
20.95	Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản						269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	01/06/2018			Công ty con
20.96	Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh						Đường Điện Biên Phủ, Khu phố Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, Bình Phước	01/06/2018			Công ty con
20.97	Công ty TNHH Cao su & Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk						Thôn 2, Xã Ia Iơi, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	01/06/2018			Công ty con
20.98	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ cao su Kon Tum						Thôn 01, Xã Đắk La, Huyện Đắk Hà, Tỉnh Kon Tum	01/06/2018			Công ty con
20.99	Công ty Cổ phần Thanh phố Nội thất Việt Nam						Tòa nhà U&I, số 158, đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	01/06/2018			Công ty con

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Thực hiện theo Nghị quyết 16/NQ-HĐQTCSVN ngày 10/02/2025 và văn bản 52/HĐQTCSVN-TCKT ngày 10/02/2025 của Hội đồng Quản trị, các giao dịch nếu có sẽ được báo cáo đầy đủ trong ĐHCĐ thường niên qua báo cáo tài chính có kiểm toán.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú

Ghi chú: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Thực hiện theo Nghị quyết 18/NQ-HĐQTCSVN ngày 23/01/2024 và văn bản 59/HĐQTCSVN-TCKT ngày 23/01/2024, Nghị quyết 16/NQ-HĐQTCSVN ngày 10/02/2025 và văn bản 52/HĐQTCSVN-TCKT ngày 10/02/2025 của Hội đồng Quản trị, các giao dịch nếu có sẽ được báo cáo đầy đủ trong ĐHCĐ thường niên qua báo cáo tài chính năm 2024 và báo cáo tài chính bán niên 6 tháng đầu năm 2025 có kiểm toán.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Trần Công Kha		Chủ tịch HĐQT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	5.100	0,00013%	
1.1	Hồ Thị Ngoạn							0		
1.2	Kha Quỳnh Anh							0		
1.3	Trần Thị Kiều Oanh							0		
1.4	Lê Văn Nhu							0		
1.5	Nguyễn Anh Thoa							0		
1.6	Trần Nguyễn Minh Quân							0		
1.7	Trần Nguyễn Minh Hạnh							0		Còn nhỏ
2	Lê Thanh Hưng		TV HĐQT - Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	5.800	0,00015%	
2.1	Vô Thị Liền							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.2	Lê Võ Thúy Tâm							0		
2.3	Lê Võ Minh Trí							0		
2.4	Nguyễn Thuận Phú							0		
2.5	Lê Ngọc Anh							0		
2.6	Lê Thị Tinh							0		Định cư ở Australia
2.7	Lê Công Chính							0		
2.8	Đinh Văn Hùng							0		
2.9	Trần Ngọc Sơn							0		Định cư ở Australia
3	Trần Ngọc Thuận		TV HĐQT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	304.700	0,00762%	Ngày 28/6/2024 HĐQT đã thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm, 17/6/2025 ĐHĐCĐ miễn nhiệm
3.1	Trần Chánh Tâm							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3.2	Nguyễn Thị Việt							0		
3.3	Nguyễn Thị Thu							0		
3.4	Trần Ngọc Xuân Trang							0		
3.5	Đỗ Lê Bình							0		
3.6	Trần Quốc Bình							0		
3.7	Trần Ngọc Tuyết							0		
3.8	Trần Thị Kim Thanh							13.200	0,00033%	
3.9	Lê Văn Vui							5.200	0,00013%	
4	Hà Văn Khương		TV HĐQT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	7.300	0,00018%	
4.1	Lê Thị Thu Chung							0		
4.2	Hà Quỳnh Anh							0		
4.3	Hà Khương Duy							0		
4.4	Hà Thị Hồng Nhung							0		
4.5	Hà Thị Sâm							0		
4.6	Hà Văn Quế							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4.7	Hà Văn Phụ							0		
4.8	Đào Thị Chuyên							0		
4.9	Lại Thị Ngọc Minh							0		
4.10	Nguyễn Thị Đến							0		
4.11	Nguyễn Hữu Hợp							0		
5	Đỗ Hữu Phước		TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	12.800	0,00032%	
5.1	Đỗ Hữu Hưng							0		Già yếu
5.2	Nguyễn Thị Mỹ Thu							0		
5.3	Hồ Thị Thanh Phương							0		
5.4	Đỗ Hữu Thiện							0		
5.5	Đỗ Hữu Tâm							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5.6	Đỗ Hữu Đồng							0		
5.7	Huỳnh Thị Thúy Nga							0		
5.8	Đỗ Thị Hồng Chi							0		
5.9	Trần Thế Tạo							0		
5.10	Đỗ Thị Lệ Thủy							0		
5.11	Đỗ Hữu Lộc							0		
5.12	Lê Thị Mỹ Châu							0		
5.13	Đỗ Thị Lệ Xuân							0		
5.14	Công ty CP Gỗ MDF Đongwha							0		Chủ tịch HDQT
5.15	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai							0		Chủ tịch HDTV

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5.16	Xí nghiệp Liên doanh Visorutex									Chủ tịch HĐQT
6	Nguyễn Đông Phong		TV HĐQT độc lập				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	0	0,00%	
6.1	Phạm Thị Thu							0		
6.2	Nguyễn Hùng Giang							0		
6.3	Nguyễn Thị Bảo Trân							0		
6.4	Nguyễn Thị Thu Hằng							0		
6.5	Nguyễn Xuân Vũ							0		
6.6	Nguyễn Thị Thu Thủy							0		
6.7	Nguyễn Thị Thu Huyền							0		
6.8	Nguyễn Thị Thu Tâm							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6.9	Nguyễn Đông Sơn							0		
6.10	Phạm Thành							0		
6.11	Đại học Kinh tế TP HCM							0		Chủ tịch hội đồng
7	Nguyễn Hay		TV HĐQT độc lập				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	0	0,00%	
7.1	Trần Thị Phước Hạnh							0		
7.2	Nguyễn Trần Phước							0		
7.3	Nguyễn Minh Khoa							0		
7.4	Nghiêm Thị Bích Hà									
7.5	Nguyễn Thị Luân							0		
7.6	Nguyễn Bình							0		Định cư nước ngoài

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7.7	Nguyễn Thị Đây							0		
7.8	Nguyễn Tài							0		
7.9	Nguyễn Thị Phúc							0		
7.10	Hồ Sỹ Lân							0		
7.11	Lê Ngọc Hùng							0		
7.12	Trần Thị Lài							0		Định cư nước ngoài
7.13	Nguyễn Thị Nghị							0		
7.14	Nguyễn Thị Thái							0		
7.15	Nguyễn Thị Hương							0		
7.16	Trần Phước Viên							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7.17	Trần Thị Phước Lộc							0		
7.18	Trần Phước An							0		
7.19	Trần Thị Phước Hà							0		
7.20	Trần Thị Phước Mai							0		
7.21	Trần Thị Phước Tuyển							0		
7.22	Trần Phước Hải							0		
7.23	Trần Thị Thu Trang							0		
8	Phạm Văn Hồi Em		Trưởng ban KS				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	0	0,00%	
8.1	Phạm Văn Do							0		
8.2	Nguyễn Thị Mười							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8.3	Phạm Văn Tùng							0		
8.4	Nguyễn Thị Đet							0		
8.5	Phạm Thị Tiệm							0		
8.6	Nguyễn Văn Tùng							0		
8.7	Phạm Văn Hồi Anh							0		
8.8	Đào Thị Bé							0		
8.9	Phạm Văn Đang							0		
8.10	Phạm Thị Đụng							0		
8.11	Phạm Văn Cẩn							0		
8.12	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8.13	Phạm Thị Tuyết							0		
8.14	Nguyễn Huy Tú							0		
8.15	Hoàng Trọng Dũng							0		
8.16	Tạ Thị Xuân Hương							0		
8.17	Hoàng Thị Xuân Thùy							0		
8.18	Phạm Anh Quân							0		
8.19	Phạm Nhật Linh							0		Còn nhỏ
8.20	Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha							0		Trưởng ban kiểm soát
9	Võ Văn Tuấn		Kiểm soát viên				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	1.600	0,00004%	
9.1	Võ Văn Máy							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
9.2	Nguyễn Thị Loan							0		
9.3	Nguyễn Thanh Vân							0		
9.4	Nguyễn Thanh Kiều							0		
9.5	Võ Thị Tổ Nhi							0		
9.6	Võ Văn Dũng							0		Còn nhỏ
9.7	Võ Thị Xuân							0		
9.8	Đoàn Anh Tinh							0		
9.9	Võ Đồng							0		
9.10	Nguyễn Thị Bảy							0		
9.11	Võ Văn Tâm							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
9.12	Nguyễn Thị Anh Thu							0		
9.13	Võ Thị Thúy							0		
9.14	Võ Văn Lợi							0		
9.15	Nguyễn Thị Phương							0		
9.16	Võ Minh Quốc							0		
9.17	Phạm Thị Sự							0		
9.18	Công ty cổ phần VRG Phú Yên									Kiểm soát viên
10	Nguyễn Minh Đức		Kiểm soát viên				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	0	0,00%	
10.1	Nguyễn Thành Vinh							0		
10.2	Phạm Thị Vân							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
10.3	Lê Quang Vinh							0		
10.4	Nguyễn Thị Huệ		.					0		
10.5	Lê Thị Tùng Oanh		CV Ban TCDU					0		
10.6	Nguyễn Đức Dũng							0		
10.7	Nguyễn Minh Thư							0		Còn nhỏ
10.8	Nguyễn Minh An							0		Còn nhỏ
11	Trương Minh Trung		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	7.600	0,00019%	
11.1	Phan Ngọc Thạch							0		
11.2	Võ Thị Xuân Trang							0		
11.3	Trương Minh Xuân Thảo							0		
11.4	Phan Quang Thành							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
11.5	Công ty CP Thủy điện Geruco Sông Côn							0		Chủ tịch HĐQT
11.6	Công ty CP VRG - Bảo Lộc							0		Không còn là chủ tịch HĐQT từ ngày 18/3/2025
11.7	Công ty CP VRG - Đắk Nông							0		Không còn là chủ tịch HĐQT từ ngày 25/6/2025
11.8	Công ty CP VRG Phú Yên							0		Không còn là chủ tịch HĐQT từ ngày 15/04/2025
12	Trần Thanh Phụng		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	7.700	0,00019%	
12.1	Trần Xuân Thái							0		
12.2	Chung Mỹ Dung							0		
12.3	Trần Tuệ Hiền							0		
12.4	Trần Đăng Lâm							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12.5	Trần Khôi Nguyên							0		
12.6	Nguyễn Trà Giang							0		
12.7	Trần Thị Hoa Mai							0		
12.8	Trần Thị Kim Cúc							0		
12.9	Trần Hồng Phúc							0		
12.10	Trần Ngọc Đức							0		
12.11	Trần Thị Mỹ Hạnh							0		
12.12	Nguyễn Văn Thân							0		
12.13	Phạm Quốc Dũng							0		
12.14	Nguyễn Thị Ánh Ngọc							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12.15	Mai Thị Bình Thuận							0		
12.16	Võ Đức Cường							0		
13	Lê Đình Bửu Trí		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	0	0,00%	
13.1	Nguyễn Thị Hoàng Quyên							0		
13.2	Lê Đình Trí Đức							0		
13.3	Lê Đình Trí Quang							0		Còn nhỏ
13.4	Lê Kim Mai Uyên							0		Còn nhỏ
13.5	Trương Thị Ngọc Anh							0		
13.6	Lê Kim Vân Anh							0		
13.7	Trương Như Thạch							0		
13.8	Lê Đình Bửu Triển							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13.9	Lê Đình Bửu Trung							0		
13.10	Trương Thị Hương Lan							0		
13.11	Nguyễn Văn Hiến							0		
13.12	Lê Thị Ngọc Kim							0		
13.13	Nguyễn Quang Hiến							0		
13.14	Nguyễn Thị Huyền Linh							0		
13.15	Nguyễn Thị Huyền Vy							0		
14	Huỳnh Kim Nhật		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	45.300	0,00113%	
14.1	Huỳnh Văn Chuông							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14.2	Huỳnh Thị Vũ Muối							0		
14.3	Vương Thị Thu Loan							0		
14.4	Huỳnh Quý Phương							0		
14.5	Huỳnh Bình Dương							0		
14.6	Huỳnh Thị Kim Khánh							0		
14.7	Huỳnh Kim Ngọc							0		
14.8	Vương Văn Xiêm							0		
14.9	Vương Thị Cẩm Loan							0		
14.10	Vương Thống Vũ							0		
14.11	Vương Thị Thanh Kim							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14.12	Vương Thị Thanh Nhân							0		
14.13	Vương Quốc Huy							0		
14.14	Công ty CP Cao su Phước Hòa							0		Chủ tịch HĐQT
14.15	Công ty CP Cao su Lai Châu									Không còn là Chủ tịch HĐQT từ ngày 10/6/2025
14.16	Công ty CP Cao su Lai Châu II									Không còn là Chủ tịch HĐQT từ ngày 10/6/2025
15	Phạm Hải Dương		Phó Tổng Giám đốc				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	6.800	0,00017%	
15.1	Mai Thị Hương							0		
15.2	Phạm Hương Hải Tiên							0		
15.3	Phạm Hải Sơn							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
15.4	Nguyễn Huy Hoàng							0		
15.5	Phạm Lâm Ngọc							0		
15.6	Phạm Thị Lệ Uyên							0		
15.7	Phạm Thị Lệ Dung							0		
15.8	Mai Hữu							0		
15.9	Mai Thị Huệ							0		
15.10	Mai Văn Tân							0		
15.11	Mai Thị Lan							0		
15.12	Mai Thị Vân							0		
15.13	Công ty CP Quasa Geruco									Chủ tịch HĐQT

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
15.14	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam									Viện trưởng
15.15	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa									Chủ tịch HĐQT
15.16	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam									Chủ tịch HĐQT
15.17	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam									Chủ tịch HĐQT
16	Hoàng Đôn Huân		Người phụ trách QT, Người được UQ CBTT				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	0	0,00%	
16.1	Đinh Thị Cấn							0		
16.2	Trịnh Thị Kim Loan							0		
16.3	Hoàng Mẫn Khánh							0		
16.4	Hoàng Xuân Trúc							0		
16.5	Hoàng Thị Bích Hòa							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
16.6	Trần Thanh Vân							0		
16.7	Bành Thị Thúy Hoa							0		
16.8	Trịnh Lê							0		
16.9	Nguyễn Thị Thạch							0		
16.10	Trịnh Lợi							0		
16.11	Lê Thị Định							0		
16.12	Hồ Thị Phúc							0		
17	Lưu Thị Tố Như		Phụ trách Kế toán				236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Xuân Hòa, TP. HCM	0	0,00%	
17.1	Nguyễn Thị Vân							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
17.2	Lưu Bảo Linh							0		
17.3	Lê Thị Hồng Mai							0		
17.4	Lưu Tuấn Cường							0		
17.5	Lê Đạt Duy Phương							0		
17.6	Lương Hồ Nhật Mai							0		
17.7	Lê Đạt Minh Khánh							0		
17.8	Lê Đạt Quang							0		
17.9	Lê Thị Thu Hà							0		
17.10	Lê Thị Thu Thảo							0		
17.11	Lê Đạt Huy Vũ							0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH (*)	Ngày cấp giấy NSH	Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
17.12	Lưu Nguyễn Thùy Dương							0		
17.13	Lê Đạt Nhật Tân							0		
17.14	Lê Thị Kim Châu							0		
17.15	Công ty CP Cao su Krông Buk - Ratanakirri									Thành viên HDQT
17.16	Công ty CP Cao su Mang Yang - Ratanakirri									Trưởng ban kiểm soát

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: không

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT, QT.



Trần Công Kha

APPENDIX NO. 05
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the
Minister of Finance guiding information disclosure on the securities market)*

**VIETNAM RUBBER GROUP –
JOINT STOCK COMPANY**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

No.: 664 /BC-HĐQTCSVN

Ho Chi Minh City, July 29 2025

REPORT
ON CORPORATE GOVERNANCE
(First 6 months of 2025)

To:

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh City Stock Exchange.

- Name of company: Vietnam Rubber Group – Joint Stock Company
- Address of headoffice: 236 Nam Ky Khoi Nghia Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City.
- Telephone: 028 39325234 ; Fax: 028 39327341; Email: vrg@rubbergroup.vn
- Charter capital: VND 40,000,000,000,000
- Stock symbol: GVR
- Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and General Director.
- The implementation of internal audit: Implemented.

I. Activities of the General Meeting of Shareholders

Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content
01	147/BB- ĐHĐCĐCSVN	17/06/2025	Minutes of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders – Vietnam Rubber Group – Joint Stock Company
02	148/NQ- ĐHĐCĐCSVN	17/06/2025	Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders – Vietnam Rubber Group – Joint Stock Company

II. Board of Directors (Semi-annual report – First 6 months of 2025):

1. Information about the members of the Board of Directors:

No.	Members of Board of Directors	Position (<i>Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors</i>)	The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Date of appointment	Date of dismissal
1	Mr. Tran Cong Kha	Chairman of the Board of Directors	12/01/2022	
2	Mr. Le Thanh Hung	Member of the Board of Directors	13/01/2022	
3	Mr. Tran Ngoc Thuan	Non-executive member of the Board of Directors	22/05/2018	17/06/2025
4	Mr. Ha Van Khuong	Non-executive member of the Board of Directors	22/05/2018	
5	Mr. Do Huu Phuoc	Member of the Board of Directors	17/06/2024	
6	Mr Nguyen Dong Phong	Independent member of the Board of Directors	17/06/2024	
7	Mr. Nguyen Hay	Independent member of the Board of Directors	22/05/2018	

2. Meetings of the Board of Directors:

No.	Members of Board of Directors	Number of meetings attended by Board of Directors	Attendance rate	Reasons for absence
1	Mr. Tran Cong Kha	02/02	100%	
2	Mr. Le Thanh Hung	02/02	100%	
3	Mr. Tran Ngoc Thuan	00/01	0%	The Board of Directors approved the resignation letter on 28/06/2024; dismissal by the General Meeting of Shareholders on 17/06/2025

No.	Members of Board of Directors	Number of meetings attended by Board of Directors	Attendance rate	Reasons for absence
4	Mr. Ha Van Khuong	02/02	100%	
5	Mr. Do Huu Phuoc	02/02	100%	
6	Mr Nguyen Dong Phong	01/02	50%	On business trip
7	Mr. Nguyen Hay	02/02	100%	

3. Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

Based on the Charter and corporate governance regulations of the Group, the Board of Directors has conducted supervision over the activities of the General Director and the Board of Management in operating the business and implementing the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

According to the Board of Directors' assessment, the activities of the General Director and the Board of Management in implementing the business plan were in line with the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, consistent with actual market conditions and in compliance with the law, with the following results.

Key Business Performance Indicators in the First 6 Months of 2025

(Unit: VND billion)

No.	Indicator	First 6 Months of 2025
1	Total (net) revenue	13,232
2	Profit before tax	3,401
3	Contribution to State budget	1,421

(Note: The performance figures for the first 6 months of 2025 have not been audited)

4. Activities of the Board of Directors' subcommittees: There were no subcommittees

5. Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report – First 6 months of 2025):

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
1	01/NQ-HĐQTCSVN	13/01/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
2	02/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
3	03/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
4	04/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
5	05/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
6	06/NQ-HĐQTCSVN	21/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
7	07/NQ-HĐQTCSVN	22/01/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
8	08/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
9	09/NQ-HĐQTCSVN	23/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
10	10/NQ-HĐQTCSVN	24/01/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	71.43%
11	11/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
12	12/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
13	13/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
14	14/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
15	15/NQ-HĐQTCSVN	06/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
16	16/NQ-HĐQTCSVN	10/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
17	17/NQ-HĐQTCSVN	10/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
18	18/NQ-HĐQTCSVN	19/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
19	19/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
20	20/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
21	21/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
22	22/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
23	23/NQ-HĐQTCSVN	20/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
24	24/NQ-HĐQTCSVN	24/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
25	25/NQ-HĐQTCSVN	25/02/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
26	26/NQ-HĐQTCSVN	27/02/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
27	27/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
28	28/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
29	29/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
30	30/NQ-HĐQTCSVN	05/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
31	31/NQ-HĐQTCSVN	06/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
32	32/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
33	33/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
34	34/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
35	35/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
36	36/NQ-HĐQTCSVN	10/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
37	37/NQ-HĐQTCSVN	12/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
38	38/NQ-HĐQTCSVN	13/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
39	39/NQ-HĐQTCSVN	13/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
40	40/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
41	41/NQ-HĐQTCSVN	14/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
42	42/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
43	43/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
44	44/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
45	45/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
46	46/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
47	47/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
48	48/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
49	49/NQ-HĐQTCSVN	18/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
50	50/NQ-HĐQTCSVN	19/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
51	51/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
52	52/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
53	53/NQ-HĐQTCSVN	21/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
54	54/NQ-HĐQTCSVN	24/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
55	55/NQ-HĐQTCSVN	24/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	57.14%
56	56/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
57	57/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
58	58/NQ-HĐQTCSVN	28/03/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
59	59/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
60	60/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
61	61/NQ-HĐQTCSVN	01/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
62	62/NQ-HĐQTCSVN	02/04/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
63	63/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
64	64/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Q1/2025 Board of Directors' Meeting Resolution	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
65	65/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
66	66/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
67	67/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
68	68/NQ-HĐQTCSVN	03/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
69	69/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
70	70/NQ-HĐQTCSVN	08/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
71	71/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
72	72/NQ-HĐQTCSVN	11/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
73	73/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
74	74/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
75	75/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
76	76/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
77	77/NQ-HĐQTCSVN	14/04/2025	Resolution on extension of time, content, format, and expected time of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders	85.71%
78	78/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
79	79/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
80	80/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
81	81/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
82	82/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
83	83/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
84	84/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
85	85/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
86	86/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
87	87/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
88	88/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
89	89/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
90	90/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
91	91/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
92	92/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
93	93/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
94	94/NQ-HĐQTCSVN	18/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
95	95/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
96	96/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
97	97/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
98	98/NQ-HĐQTCSVN	22/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
99	99/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
100	100/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
101	101/NQ-HĐQTCSVN	24/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
102	102/NQ-HĐQTCSVN	25/04/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
103	103/NQ-HĐQTCSVN	28/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
104	104/NQ-HĐQTCSVN	28/04/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
105	105/NQ-HĐQTCSVN	06/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
106	106/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
107	107/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
108	108/NQ-HĐQTCSVN	07/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
109	109/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
110	110/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
111	111/NQ-HĐQTCSVN	08/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
112	112/NQ-HĐQTCSVN	09/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
113	113/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	71.43%
114	114/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
115	115/NQ-HĐQTCSVN	12/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
116	116/NQ-HĐQTCSVN	15/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
117	117/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
118	118/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
119	119/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
120	120/NQ-HĐQTCSVN	19/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
121	121/NQ-HĐQTCSVN	20/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
122	122/NQ-HĐQTCSVN	21/05/2025	Resolution on the documents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders	85.71%
123	123/NQ-HĐQTCSVN	21/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
124	124/NQ-HĐQTCSVN	21/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
125	126/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
126	127/NQ-HĐQTCSVN	26/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
127	128/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
128	129/NQ-HĐQTCSVN	27/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
129	130/NQ-HĐQTCSVN	28/05/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
130	131/NQ-HĐQTCSVN	03/06/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
131	132/NQ-HĐQTCSVN	03/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
132	133/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
133	134/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
134	135/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
135	136/NQ-HĐQTCSVN	04/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
136	137/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
137	138/NQ-HĐQTCSVN	05/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
138	139/NQ-HĐQTCSVN	09/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
139	140/NQ-HĐQTCSVN	09/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
140	141/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
141	142/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
142	143/NQ-HĐQTCSVN	10/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
143	144/NQ-HĐQTCSVN	13/06/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
144	145/NQ-HĐQTCSVN	16/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	71.43%
145	146/NQ-HĐQTCSVN	17/06/2025	Resolution on personnel affairs	85.71%
146	149/NQ-HĐQTCSVN	19/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
147	150/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
148	151/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
149	152/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
150	153/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
151	154/NQ-HĐQTCSVN	20/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%

No.	Resolution/Decision No.	Date	Content	Approval rate
152	155/NQ-HĐQTCSVN	23/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
153	156/NQ-HĐQTCSVN	23/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
154	157/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
155	158/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	85.71%
156	159/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
157	160/NQ-HĐQTCSVN	24/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%
158	161/NQ-HĐQTCSVN	26/06/2025	Resolution of the Q2/2025 meeting	100%
159	162/NQ-HĐQTCSVN	26/06/2025	Resolution on personnel affairs	100%
160	163/NQ-HĐQTCSVN	30/06/2025	Resolution on business and production activities – Obtaining opinions in writing	100%

III. Board of Supervisors (Semi-annual report – First 6 months of 2025):

1. Information about the members of the Board of Supervisors:

No.	Members of Board of Supervisors	Position	The date becoming a member of the Board of Supervisors	Qualification
1	Mr. Pham Van Hoi Em	Head of the Board	17/06/2024	Bachelor of Economics; Certified Public Accountant (CPA)
2	Mr. Vo Van Tuan	Supervisor	12/01/2022	Master of Agriculture
3	Mr. Nguyen Minh Duc	Supervisor	12/01/2022	Civil Engineer

2. Meetings of the Board of Supervisors

No.	Members of Board of Supervisors	Number of meetings attended	Attendance rate	Votting rate	Reasons for absence
1	Mr. Pham Van Hoi Em	02	100%	100%	
2	Mr. Vo Van Tuan	02	100%	100%	
3	Mr. Nguyen Minh Duc	02	100%	100%	

3. Supervising the Board of Directors, Board of Management by Board of Supervisors:

- During its supervision of the Group's Board of Directors in the first six months of 2025, the Board of Supervisors assessed that the Board of Directors consistently complied with all regulations in its directions and ensured business efficiency.

- The Board of Directors held and maintained regular meetings as prescribed. In the meetings of the Board of Directors in particular and in its overall activities, all members participated fully and worked with a high sense of responsibility, issuing timely resolutions and decisions to orient and direct production, business and investment activities in accordance with the resolutions of the General Meeting of Shareholders.

The Board of Directors successfully directed the organisation of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders on 17 June 2025 in compliance with the Group's Charter on Organization and Operation and legal regulations.

- Executive Board convened all required meetings to direct production and business operations, investments and post-equitisation tasks in a resolute and timely manner; they strictly implemented the resolutions of the Board of Directors and legal regulations.

The Group disclosed information promptly and accurately in full compliance with current regulations.

4. Coordination among the Board of Supervisors, the Board of Directors, the Board of Management and other managers:

In the first six months of 2025, the Board of Directors and the Executive Board created favourable conditions for the Board of Supervisors to perform its functions. The Board of Supervisors attended all meetings of the Board of Directors and the Group's leadership, providing opinions on the orientations and decisions of the

Board of Directors and the Executive Board to ensure that they were issued in compliance with legal provisions and served the interests of the Group. The Board of Supervisors also gave recommendations to ensure that management activities followed the resolutions of the General Meeting of Shareholders.

5. Other activities of the Board of Supervisors: In addition to the above, the Board of Supervisors performed the following key tasks in the first six months of 2025:

- Supervised the preparation and assignment of the Group's 2025 plan and those of its units; appraised the separate and consolidated financial statements of the Parent Company – the Group for 2024; prepared the 2024 Board of Supervisors' report for submission to the 2025 General Meeting of Shareholders; and supervised the organisation of the Parent Company's 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

- Inspected certain production and business activities at several member units of the Group; monitored the implementation of the Development Strategy of Vietnam Rubber Group – Joint Stock Company to 2030 with a vision to 2035; and supervised the production, business and development investment plan of Vietnam Rubber Group – Joint Stock Company through the end of 2025.

IV. Board of Management

No.	Members of Board of Management	Date of birth	Qualification	Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management
1	Mr. Le Thanh Hung	1966	Master of Agricultural Economics	13/01/2022
2	Mr. Tran Thanh Phung	1968	Bachelor of Economics; Master of Business Administration	18/02/2020
3	Mr. Truong Minh Trung	1968	Bachelor of Agricultural Engineering; Master of Business Administration	01/6/2018

No.	Members of Board of Management	Date of birth	Qualification	Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management
4	Mr. Pham Hai Duong	1966	Master of Agriculture	08/9/2023
5	Mr. Do Huu Phuoc	1968	Master – Engineering	01/6/2022
6	Mr. Le Dinh Buu Tri	1970	Master – Finance and International Trade	01/6/2022
7	Mr. Huynh Kim Nhut	1973	Master – Economics	01/6/2022

V. Chief Accountant

Name	Date of birth	Qualification	Date of appointment / dismissal
Ms. Luu Thi To Nhu	1980	Bachelor of Finance and Banking	Appointed as acting Chief Accountant: 17/06/2024

VI. Training courses on corporate governance: None

Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance.

VII. The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company

1. The list of affiliated persons of the Company:

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
1	Tran Cong Kha		Chairman of the Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/6/2018			Internal person
2	Le Thanh Hung		Member of the Board of Directors, General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	18/02/2020			Internal person
3	Tran Ngoc Thuan		Members of Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/6/2018	17/6/2025	Resigned from position	Internal person
4	Ha Van Khuong		Members of Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/6/2018			Internal person
5	Do Huu Phuoc		Member of the Board of Directors, Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/6/2022			Internal person
6	Nguyen Dong Phong		Members of Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	17/06/2024			Internal person
7	Nguyen Hay		Members of Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/6/2018			Internal person

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
8	Phan Van Hoi Em		Head of the Board of Supervisors				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/01/2019			Internal person
9	Vo Van Tuan		Supervisor				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	12/01/2022			Internal person
10	Nguyen Minh Duc		Supervisor				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	12/01/2022			Internal person
11	Truong Minh Trung		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/6/2018			Internal person
12	Tran Thanh Phung		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	18/02/2020			Internal person
13	Le Dinh Bui Tri		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/6/2022			Internal person
14	Huynh Kim Nhut		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	01/6/2022			Internal person
15	Pham Hai Duong		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	08/9/2023			Internal person
16	Hoang Don Huan		Person in charge of corporate governance, authorized information disclosure officer				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC	20/9/2023			Internal person

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
17	Luu Thi To Nhu		Acting Chief Accountant				236 Nam Ky Khoi Nghia, Xuan Hoa Ward, HCMC.	17/06/2024			Internal person
18	Commission for the Management of State Capital at Enterprises						No. 6 Ba Huyen Thanh Quan Street, Ba Dinh Ward, Hanoi	15/11/2018	28/02/2025	Transferred to the Ministry of Finance	Shareholder over 10%
19	Ministry of Finance						No. 28 Tran Hung Dao Street, Cua Nam Ward, Hanoi	28/02/2025			Shareholder over 10%
20	List of subsidiaries										Subsidiary
20.1	Dong Nai Rubber Corporation						Trung Tam Hamlet, Xuan Lap Commune, Long Khanh City, Dong Nai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.2	Binh Long Rubber Co., Ltd						National Road 13, Hung Chien Ward, Binh Long Town, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary
20.3	Dau Tieng Rubber Co., Ltd						Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.4	Loc Ninh Rubber Co., Ltd						Ninh Thuan Quarter, Loc Ninh Town, Loc Ninh District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary
20.5	Phu Rieng Rubber Co., Ltd						Phu Rieng Commune, Phu Rieng District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.6	Krong Buk Rubber Co., Ltd						Ea Ho Commune, Krong Nang District, Dak Lak Province	01/06/2018			Subsidiary
20.7	Eah Leo Rubber Co., Ltd						499 Giai Phong Street, Ea Drang Town, Ea H'leo District, Dak Lak Province	01/06/2018			Subsidiary
20.8	Chu Prong Rubber Co., Ltd						Ia Drang Commune, Chu Prong District, Gia Lai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.9	Chu Se Rubber Co., Ltd						420 Hung Vuong, Chu Se Town, Chu Se District, Gia Lai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.10	Kon Tum Rubber Co., Ltd						258 Phan Dinh Phung, Kon Tum City, Kon Tum Province	01/06/2018			Subsidiary
20.11	Mang Yang Rubber Co., Ltd						536 Nguyen Hue Street, Dak Doa Town, Dak Doa District, Gia Lai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.12	Chu Pah Rubber Co., Ltd						01 Nguyen Thi Minh Khai Street, Phu Hoa Town, Chu Pah District, Gia Lai Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.13	Quang Nam Rubber Co., Ltd						National Road 1A, Binh Nguyen Commune, Thang Binh District, Quang Nam Province	01/06/2018			Subsidiary
20.14	Nam Giang - Quang Nam Rubber Co., Ltd						Nam Giang District, Quang Nam Province	01/06/2018			Subsidiary
20.15	Ha Tinh Rubber Co., Ltd						Km22, National Road 15A, Ha Linh Commune, Huong Khe District, Ha Tinh Province	01/06/2018			Subsidiary
20.16	Huong Khe - Ha Tinh Rubber Co., Ltd						Hamlet 12, Huong Long Commune, Huong Khe District, Ha Tinh Province	01/06/2018			Subsidiary
20.17	Thanh Hoa Rubber Co., Ltd						Ly Nam De Street, Dong Hung New Urban Area, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province	01/06/2018			Subsidiary
20.18	Quang Tri Rubber Co., Ltd						264 Hung Vuong Street, Dong Luong Ward, Dong Ha City, Quang Tri Province	01/06/2018			Subsidiary
20.19	Binh Thuan Rubber Co., Ltd						Duc Tai Town, Duc Linh District, Binh Thuan Province	01/06/2018			Subsidiary
20.20	Quang Ngai Rubber Co., Ltd						Binh Hiep Commune, Binh Son District, Quang Ngai Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.21	Vietnam Rubber Research Institute						196 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City	01/06/2018			Subsidiary
20.22	Rubber Medical Center						410 Truong Chinh Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City	01/06/2018			Subsidiary
20.23	Vietnam Rubber Journal						196 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City	01/06/2018			Subsidiary
20.24	Rubber Industry College						1428 Phu Rieng Do, Dong Xoai Town, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary
20.25	Geruco Song Con Hydropower Joint Stock Company						Ngat Hamlet, Jo Ngay Commune, Dong Giang District, Quang Nam Province	01/06/2018			Subsidiary
20.26	VRG Bao Loc Joint Stock Company						263 Hoang Van Thu Street, Ward 1, Bao Loc City, Lam Dong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.27	VRG Dak Nong Joint Stock Company						Nghia Thanh Ward, Gia Nghia Town, Dak Nong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.28	Rubber Industry and Import-Export Joint Stock Company						64 Truong Dinh Street, Ward 7, District 3, Ho Chi Minh City	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.29	Geru Star Sports Joint Stock Company						1/1 Tan Ky Tan Quy Street, Son Ky Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City	01/06/2018			Subsidiary
20.30	MDF VRG Quang Tri Wood Joint Stock Company						Nam Dong Ha Industrial Park, Dong Luong Ward, Dong Ha City, Quang Tri Province	01/06/2018			Subsidiary
20.31	Phuoc Hoa Rubber Joint Stock Company						Phu Giao District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.32	Viet-Lao Rubber Joint Stock Company						207 Nguyen Van Troi Street, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City	01/06/2018			Subsidiary
20.33	Hoa Binh Rubber Joint Stock Company						Hamlet 7, Hoa Binh Commune, Xuyen Moc District, Ba Ria – Vung Tau Province	01/06/2018			Subsidiary
20.34	Hang Gon Rubber Joint Stock Company						Hang Gon Commune, Long Khanh Town, Dong Nai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.35	Quasa Geruco Joint Stock Company						D21, Southeast Asia Commercial Center, Lao Bao Town, Huong Hoa District, Quang Tri Province	01/06/2018			Subsidiary
20.36	Rubber Trading, Services & Tourism Joint Stock Company						Hoa Binh Boulevard, Tran Phu Ward, Mong Cai City, Quang Ninh Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.37	Nam Tan Uyen Industrial Park Joint Stock Company						Khanh Binh Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.38	Thuan An Wood Processing Joint Stock Company						Binh Duong Boulevard, Thuan Giao Commune, Thuan An Town, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.39	Dau Tieng Wood Joint Stock Company						Quarter 3, Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.40	Hung Yen Hotel - Commercial - Tourism Joint Stock Company						No. 611 Phan Dinh Phung Street, Duy Tan Ward, Kon Tum City, Kon Tum Province	01/06/2018			Subsidiary
20.41	Rubber Mechanical Joint Stock Company						No. 12, HT25 Street, Quarter 2, Hiep Thanh Ward, District 12, Ho Chi Minh City	01/06/2018			Subsidiary
20.42	Dong Phu Rubber Joint Stock Company						Thuan Phu Commune, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary
20.43	Tay Ninh Rubber Joint Stock Company						National Road 22B, Hiep Thanh Commune, Go Dau District, Tay Ninh Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.44	Son La Rubber Joint Stock Company						Group 11, Chieng Le Ward, Son La City, Son La Province	01/06/2018			Subsidiary
20.45	Dien Bien Rubber Joint Stock Company						Group 19, Thanh Hung Commune, Dien Bien District, Dien Bien Province	01/06/2018			Subsidiary
20.46	Lai Chau Rubber Joint Stock Company						Group 5, Doan Ket Ward, Lai Chau Town, Lai Chau Province	01/06/2018			Subsidiary
20.47	Sa Thay Rubber Joint Stock Company						308E Phan Dinh Phung Street, Ngo May Ward, Kon Tum City, Kon Tum Province	01/06/2018			Subsidiary
20.48	Nghe An Rubber Investment and Development Joint Stock Company						No. 17, Phan Dang Luu Street, Truong Thi Ward, Vinh City, Nghe An Province	01/06/2018			Subsidiary
20.49	Tan Bien Kampong Thom Rubber Joint Stock Company						Group 8, Thanh Phu Hamlet, Tan Hiep Commune, Tan Chau District, Tay Ninh Province	01/06/2018			Subsidiary
20.50	Ba Ria Rubber Joint Stock Company						Chau Duc District, Ba Ria – Vung Tau Province	01/06/2018			Subsidiary
20.51	Phu Rieng Kratie Rubber Joint Stock Company						Phu Nguyen Hamlet, Phu Rieng District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.52	VRG Phu Yen Joint Stock Company						Tuy Hoa City, Phu Yen Province	01/06/2018			Subsidiary
20.53	Tan Bien Rubber Joint Stock Company						Tan Chau District, Tay Ninh Province	01/06/2018			Subsidiary
20.54	Dau Giay Industrial Park Joint Stock Company						Km 2, Provincial Road 769, Bau Ham 2 Commune, Thong Nhat District, Dong Nai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.55	Long Khanh Industrial Park Joint Stock Company						Long Khanh Industrial Park, Binh Loc Commune, Long Khanh City, Dong Nai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.56	Ha Giang Rubber Joint Stock Company						Group 4, Quarter 9, Viet Quang Town, Bac Quang District, Ha Giang Province	01/06/2018			Subsidiary
20.57	Truong Phat Rubber Joint Stock Company						Plot 117, 118, Map Sheet No. 15, Hamlet 1, Hung Hoa Commune, Bau Bang District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.58	Dong Phu Kratie Rubber Joint Stock Company						Thuan Phu I Hamlet, Thuan Phu Commune, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.59	Dong Nai Kratie Rubber Joint Stock Company						Trung Tam Hamlet, Xuan Lap Commune, Long Khanh City, Dong Nai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.60	VRG Ngoc Linh Hydropower Joint Stock Company						Dak Glei Town, Dak Glei District, Kon Tum Province	01/06/2018			Subsidiary
20.61	Dong Phu Technical Rubber Joint Stock Company						Tan Lap Commune, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary
20.62	Bao Lam Rubber Joint Stock Company						Loc Bao Commune, Bao Lam District, Lam Dong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.63	An Dien Industry Joint Stock Company						Rach Bap Industrial Park, D1 Street, An Dien Commune, Ben Cat District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.64	VRG Kien Giang MDF Joint Stock Company						Lot M, Street No.1, Thanh Loc Industrial Park, Thanh Loc Commune, Chau Thanh District, Kien Giang Province	01/06/2018			Subsidiary
20.65	Phu Thinh Rubber Construction Investment Joint Stock Company						Phu Nguyen Hamlet, Phu Rieng District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.66	Tay Ninh Wood Processing and Export-Import Joint Stock Company						Ben Muong Hamlet, Thanh Duc Commune, Go Dau District, Tay Ninh Province	01/06/2018			Subsidiary
20.67	Dau Tieng Rubber Mechanical and Transportation Joint Stock Company						Quarter 4A, Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.68	Phu Thinh Fertilizer Commercial Joint Stock Company						Thuan An Cottage Industry Cluster, Thuan An Commune, Dak Mil District, Dak Nong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.69	Lai Chau II Rubber Joint Stock Company						Muong Te Town, Muong Te District, Lai Chau Province	01/06/2018			Subsidiary
20.70	Ba Ria Kampong Thom Rubber Joint Stock Company						National Highway 56, Binh Ba Commune, Chau Duc District, Ba Ria - Vung Tau Province	01/06/2018			Subsidiary
20.71	Chu Se Kampong Thom Rubber Joint Stock Company						No. 420 Hung Vuong, Chu Se Town, Chu Se District, Gia Lai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.72	Mang Yang Ratanakiri Rubber Joint Stock Company						No. 536 Nguyen Hue, Dak Doa Town, Dak Doa District, Gia Lai Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.73	Phuoc Hoa Kampong Thom Rubber Development Co., Ltd						Boeung Lavea Commune, Santuk District, Kampong Thom Province, Kingdom of Cambodia	01/06/2018			Subsidiary
20.74	North Dong Phu Industrial Park Joint Stock Company						Bau Ke Quarter, Tan Phu Town, Dong Phu District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary
20.75	Binh Long Rubber Industrial Park Joint Stock Company						Hamlet 3A, Minh Hung Commune, Chon Thanh District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary
2.76	Yen Bai Rubber Joint Stock Company						Hamlet 2, Tan Thinh Commune, Yen Bai City, Yen Bai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.77	Dau Tieng Lao Cai Rubber Joint Stock Company						No. 186 Hoang Lien Street, Coc Leu Ward, Lao Cai City, Lao Cai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.78	Krong Buk Ratanakiri Rubber Joint Stock Company						Ea Ho Commune, Krong Buk District, Dak Lak Province	01/06/2018			Subsidiary
20.79	Chu Prong Stung Treng Rubber Joint Stock Company						Ia Drang Commune, Chu Prong District, Gia Lai Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.80	Dau Tieng Kratie Rubber Joint Stock Company						No. 33, Group 26, Quarter 2, Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.81	Dau Tieng Cambodia Rubber Joint Stock Company						Quarter 2, Dau Tieng Town, Dau Tieng District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.82	Dong Nai Rubber Wood Processing Joint Stock Company						Street No. 7, Long Khanh Industrial Park, Binh Loc Commune, Long Khanh City, Dong Nai Province	01/06/2018			Subsidiary
20.83	C.R.C.K Aphivath Caoutchouc Co., Ltd						Don Cam Pech Commune, San Dan District, Kampong Thom Province, Kingdom of Cambodia	01/06/2018			Subsidiary
20.84	Tan Binh Industrial Park Joint Stock Company						Tan Binh Commune, Bac Tan Uyen District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary
20.85	VRG Khai Hoan Joint Stock Company						Cau Sat Hamlet, Lai Hung Commune, Ben Cat District, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.86	Bolikhamxay Ha Tinh Rubber Co., Ltd						Bolikhamxay Province, Lao People's Democratic Republic	01/06/2018			Subsidiary
20.87	Tay Ninh Siem Reap Aphivath Caoutchouc Co., Ltd						Trapeang Prasat Commune, Trapeang Prasat District, Oddar Meanchey Province, Kingdom of Cambodia	01/06/2018			Subsidiary
20.88	VRG Oudomxay Co., Ltd						Oudomxay Province, Lao People's Democratic Republic	01/06/2018			Subsidiary
20.89	VKETI Co., Ltd						Kratie Province, Kingdom of Cambodia	01/06/2018			Subsidiary
20.90	Dau Tieng Lai Chau Rubber Joint Stock Company						Zone 2, Than Uyen Town, Than Uyen District, Lai Chau Province	01/06/2018			Subsidiary
20.91	Ea H'leo BM Rubber Co., Ltd						Ratanakiri Province, Kingdom of Cambodia	01/06/2018			Subsidiary
20.92	Phuoc Hoa Dak Lak Rubber Co., Ltd						138 Hung Vuong Street, Ea Sup Town, Ea Sup District, Dak Lak Province	01/06/2018			Subsidiary
20.93	Muong Nhe Dien Bien Rubber Joint Stock Company						Muong Nhe Hamlet, Muong Nhe Commune, Muong Nhe District, Dien Bien Province	01/06/2018			Subsidiary

No.	Name of organization/individual	Securities trading account (if any)	Position at the Company (if any)	NSH No.*	Date of issue of NSH	Place of issue	Address of head office/ Contact address	Time of starting to be affiliated person	Time of ending to be affiliated person	Reasons	Relationship with the Company
20.94	Qua Van One Member Rubber Co., Ltd						Salavan Province, Lao People's Democratic Republic	01/06/2018			Subsidiary
20.95	VRG Japan Rubber Export Joint Stock Company						269A Nguyen Trong Tuyen Street, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City	01/06/2018			Subsidiary
20.96	Loc Ninh Wood Joint Stock Company						Dien Bien Phu Street, Ninh Thuan Quarter, Loc Ninh Town, Loc Ninh District, Binh Phuoc Province	01/06/2018			Subsidiary
20.97	Phuoc Hoa - Dak Lak Rubber and Forestry Co., Ltd						Hamlet 2, Ia Iloi Commune, Ea Sup District, Dak Lak Province	01/06/2018			Subsidiary
20.98	Kon Tum Rubber Wood Manufacturing Co., Ltd						Hamlet 01, Dak La Commune, Dak Ha District, Kon Tum Province	01/06/2018			Subsidiary
20.99	Vietnam Furniture Town Joint Stock Company						U&I Building, No. 158 Ngo Gia Tu Street, Chanh Nghia Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province	01/06/2018			Subsidiary

NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Pursuant to Resolution No. 16/NQ-HĐQTCSVN dated 10/02/2025 and Document No. 52/HĐQTCSVN-TCKT dated 10/02/2025 of the Board of Directors, any such transactions (if any) shall be fully reported at the Annual General Meeting of Shareholders via the audited financial statements.

No.	Name of organization/ individual	Relationship with the Company	NSH No.* date of issue, place of issue	Address of head office/ Contact addresses	Time of transactions with the Company	Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Content, quantity, total value of transaction	Note

NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

No	Transaction executor	Relationship with internal persons	Position at the listed Company	ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue	Address	Name of subsidiaries or companies which the Company control	Time of transaction	Content, quantity, total value of transaction	Note

4. Transactions between the Company and other objects

4.1. Transactions between the Company and the company that its members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Pursuant to Resolution No. 18/NQ-HĐQTCSVN dated 23/01/2024 and Document No. 59/HĐQTCSVN-TCKT dated 23/01/2024, Resolution No. 16/NQ-HĐQTCSVN dated 10/02/2025 and Document No. 52/HĐQTCSVN-TCKT dated 10/02/2025 of the Board of Directors, any such transactions (if any) shall be fully reported at the Annual General Meeting of Shareholders via the audited financial statements for 2024 and the audited semi-annual financial statements for the first six months of 2025..

4.2. Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): None.

4.3. Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: None.

VIII. Share transactions of internal persons and their affiliated persons

1. Transactions of internal persons and their affiliated persons:

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Tran Cong Kha		Chairman of the Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	5,100	0.00013%	
1.1	Ho Thi Ngoan							0		
1.2	Kha Quynh Anh							0		
1.3	Tran Thi Kieu Oanh							0		
1.4	Le Van Nhu							0		
1.5	Nguyen Anh Thoa							0		
1.6	Tran Nguyen Minh Quan							0		
1.7	Tran Nguyen Minh Hanh							0		Minor
2	Le Thanh Hung		Member of the Board of Directors – General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	5,800	0.00015%	
2.1	Vo Thi Lien							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.2	Le Vo Thuy Tam							0		
2.3	Le Vo Minh Tri							0		
2.4	Nguyen Thuan Phu							0		
2.5	Le Ngoc Anh							0		
2.6	Le Thi Tinh							0		Residing in Australia
2.7	Le Cong Chinh							0		
2.8	Dinh Van Hung							0		
2.9	Tran Ngoc Son							0		Residing in Australia
3	Tran Ngoc Thuan		Member of the Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	304,700	0.00762%	On 28/06/2024, the Board of Directors approved the resignation application; on 17/06/2025, the General Meeting of Shareholders dismissed the position.
3.1	Tran Chanh Tam							0		
3.2	Nguyen Thi Viet							0		
3.3	Nguyen Thi Thu							0		
3.4	Tran Ngoc Xuan Trang							0		
3.5	Do Le Binh							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3.6	Tran Quoc Binh							0		
3.7	Tran Ngoc Tuyet							0		
3.8	Tran Thi Kim Thanh							13,200	0.00033%	
3.9	Le Van Vui							5,200	0.00013%	
4	Ha Van Khuong		Member of the Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	7,300	0.00018%	
4.1	Le Thi Thu Chung							0		
4.2	Ha Quynh Anh							0		
4.3	Ha Khuong Duy							0		
4.4	Ha Thi Hong Nhung							0		
4.5	Ha Thi Sam							0		
4.6	Ha Van Que							0		
4.7	Ha Van Phu							0		
4.8	Dao Thi Chuyen							0		
4.9	Lai Thi Ngoc Minh							0		
4.10	Nguyen Thi Den							0		
4.11	Nguyen Huu Hop							0		
5	Do Huu Phuoc		Member of the Board of Directors, Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	12,800	0.00032%	
5.1	Do Huu Hung							0		Elderly

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5.2	Nguyen Thi My Thu							0		
5.3	Ho Thi Thanh Phuong							0		
5.4	Do Huu Thien							0		
5.5	Do Huu Tam							0		
5.6	Do Huu Dong							0		
5.7	Huynh Thi Thuy Nga							0		
5.8	Do Thi Hong Chi							0		
5.9	Tran The Tao							0		
5.10	Do Thi Le Thuy							0		
5.11	Do Huu Loc							0		
5.12	Le Thi My Chau							0		
5.13	Do Thi Le Xuan							0		
5.14	Dongwha MDF Wood Joint Stock Company							0		Chairman of the BOD
5.15	Dong Nai Rubber Corporation One Member Co., Ltd							0		Chairman of the Members' Council
5.16	Visorutex Joint Venture Enterprise									Chairman of the BOD
6	Nguyen Dong Phong		Independent Member of the Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	0	0.00%	
6.1	Pham Thi Thu							0		
6.2	Nguyen Hung Giang							0		
6.3	Nguyen Thi Bao Tran							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6.4	Nguyen Thi Thu Hang							0		
6.5	Nguyen Xuan Vu							0		
6.6	Nguyen Thi Thu Thuy							0		
6.7	Nguyen Thi Thu Huyen							0		
6.8	Nguyen Thi Thu Tam							0		
6.9	Nguyen Dong Son							0		
6.10	Pham Thanh							0		
6.11	University of Economics Ho Chi Minh City							0		Chairman of the Council
7	Nguyen Hay		Independent Member of the Board of Directors				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	0	0.00%	
7.1	Tran Thi Phuoc Hanh							0		
7.2	Nguyen Tran Phuoc							0		
7.3	Nguyen Minh Khoa							0		
7.4	Nghiem Thi Bich Ha									
7.5	Nguyen Thi Luon							0		
7.6	Nguyen Binh							0		Residing abroad
7.7	Nguyen Thi Day							0		
7.8	Nguyen Tai							0		
7.9	Nguyen Thi Phuc							0		
7.10	Ho Sy Lan							0		
7.11	Le Ngoc Hung							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7.12	Tran Thi Lai							0		Residing abroad
7.13	Nguyen Thi Nghi							0		
7.14	Nguyen Thi Thai							0		
7.15	Nguyen Thi Huong							0		
7.16	Tran Phuoc Vien							0		
7.17	Tran Thi Phuoc Loc							0		
7.18	Tran Phuoc An							0		
7.19	Tran Thi Phuoc Ha							0		
7.20	Tran Thi Phuoc Mai							0		
7.21	Tran Thi Phuoc Tuyen							0		
7.22	Tran Phuoc Hai							0		
7.23	Tran Thi Thu Trang							0		
8	Phan Van Hoi Em		Head of the Board of Supervisors				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	0	0.00%	
8.1	Pham Van Do							0		
8.2	Nguyen Thi Muoi							0		
8.3	Pham Van Tung							0		
8.4	Nguyen Thi Det							0		
8.5	Pham Thi Tiem							0		
8.6	Nguyen Van Tung							0		
8.7	Pham Van Hoi Anh							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8.8	Dao Thi Be							0		
8.9	Pham Van Dang							0		
8.10	Pham Thi Dung							0		
8.11	Pham Van Can							0		
8.12	Nguyen Thi Anh Nguyet							0		
8.13	Pham Thi Tuyet							0		
8.14	Nguyen Huy Tu							0		
8.15	Hoang Trong Dung							0		
8.16	Ta Thi Xuan Huong							0		
8.17	Hoang Thi Xuan Thuy							0		
8.18	Pham Anh Quan							0		
8.19	Pham Nhat Linh							0		Minor
8.20	VRG Dongwha MDF Wood Joint Stock Company							0		Head of the Board of Supervisors
9	Vo Van Tuan		Supervisor				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	1,600	0.00004%	
9.1	Vo Van May							0		
9.2	Nguyen Thi Loan							0		
9.3	Nguyen Thanh Van							0		
9.4	Nguyen Thanh Kieu							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
9.5	Vo Thi To Nhi							0		
9.6	Vo Van Dung							0		Minor
9.7	Vo Thi Xuan							0		
9.8	Doan Anh Tinh							0		
9.9	Vo Dong							0		
9.10	Nguyen Thi Bay							0		
9.11	Vo Van Tam							0		
9.12	Nguyen Thi Anh Thu							0		
9.13	Vo Thi Thuy							0		
9.14	Vo Van Loi							0		
9.15	Nguyen Thi Phuong							0		
9.16	Vo Minh Quoc							0		
9.17	Pham Thi Su							0		
9.18	VRG Phu Yen Joint Stock Company									Supervisor
10	Nguyen Minh Duc		Supervisor				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	0	0.00%	
10.1	Nguyen Thanh Vinh							0		
10.2	Pham Thi Van							0		
10.3	Le Quang Vinh							0		
10.4	Nguyen Thi Hue							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
10.5	Le Thi Tung Oanh		Officer of the Organization Department of the Party Committee					0		
10.6	Nguyen Duc Dung							0		
10.7	Nguyen Minh Thu							0		Minor
10.8	Nguyen Minh An							0		Minor
11	Truong Minh Trung		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	7,600	0.00019%	
11.1	Phan Ngoc Thach							0		
11.2	Vo Thi Xuan Trang							0		
11.3	Truong Minh Xuan Thao							0		
11.4	Phan Quang Thanh							0		
11.5	Geruco Song Con Hydropower Joint Stock Company							0		Chairman of the BOD
11.6	VRG - Bao Loc Joint Stock Company							0		No longer Chairman of the BOD as from 18/03/2025
11.7	VRG - Dak Nong Joint Stock Company							0		No longer Chairman of the BOD as from 25/06/2025

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
11.8	VRG Phu Yen Joint Stock Company							0		No longer Chairman of the BOD as from 15/04/2025
12	Tran Thanh Phung		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	7,700	0.00019%	
12.1	Tran Xuan Thai							0		
12.2	Chung My Dung							0		
12.3	Tran Tue Hien							0		
12.4	Tran Dang Lam							0		
12.5	Tran Khoi Nguyen							0		
12.6	Nguyen Tra Giang							0		
12.7	Tran Thi Hoa Mai							0		
12.8	Tran Thi Kim Cuc							0		
12.9	Tran Hong Phuc							0		
12.10	Tran Ngoc Duc							0		
12.11	Tran Thi My Hanh							0		
12.12	Nguyen Van Than							0		
12.13	Pham Quoc Dung							0		
12.14	Nguyen Thi Anh Ngoc							0		
12.15	Mai Thi Binh Thuan							0		
12.16	Vo Duc Cuong							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Le Dinh Buu Tri		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	0	0.00%	
13.1	Nguyen Thi Hoang Quyen							0		
13.2	Le Dinh Tri Duc							0		
13.3	Le Dinh Tri Quang							0		Minor
13.4	Le Kim Mai Uyen							0		Minor
13.5	Truong Thi Ngoc Anh							0		
13.6	Le Kim Van Anh							0		
13.7	Truong Nhu Thach							0		
13.8	Le Dinh Buu Trian							0		
13.9	Le Dinh Buu Trung							0		
13.10	Truong Thi Huong Lan							0		
13.11	Nguyen Van Hien							0		
13.12	Le Thi Ngoc Kim							0		
13.13	Nguyen Quang Hien							0		
13.14	Nguyen Thi Huyen Linh							0		
13.15	Nguyen Thi Huyen Vy							0		
14	Huynh Kim Nhut		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	45,300	0.00113%	
14.1	Huynh Van Chuong							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14.2	Huynh Thi Vu Muoi							0		
14.3	Vuong Thi Thu Loan							0		
14.4	Huynh Quy Phuong							0		
14.5	Huynh Binh Duong							0		
14.6	Huynh Thi Kim Khanh							0		
14.7	Huynh Kim Ngoc							0		
14.8	Vuong Van Xiem							0		
14.9	Vuong Thi Cam Loan							0		
14.10	Vuong Thong Vu							0		
14.11	Vuong Thi Thanh Kim							0		
14.12	Vuong Thi Thanh Nhan							0		
14.13	Vuong Quoc Huy							0		
14.14	Phuoc Hoa Rubber Joint Stock Company							0		Chairman of the Board of Directors
14.15	Lai Chau Rubber Joint Stock Company									No longer Chairman of the BOD as of 10/06/2025
14.16	Lai Chau II Rubber Joint Stock Company									No longer Chairman of the BOD as of 10/06/2025
15	Pham Hai Duong		Deputy General Director				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	6,800	0.00017%	

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
15.1	Mai Thi Huong							0		
15.2	Pham Huong Hai Tien							0		
15.3	Pham Hai Son							0		
15.4	Nguyen Huy Hoang							0		
15.5	Pham Lam Ngoc							0		
15.6	Pham Thi Le Uyen							0		
15.7	Pham Thi Le Dung							0		
15.8	Mai Huu							0		
15.9	Mai Thi Hue							0		
15.10	Mai Van Tan							0		
15.11	Mai Thi Lan							0		
15.12	Mai Thi Van							0		
15.13	Quasa Geruco Joint Stock Company									Chairman of the BOD
15.14	Vietnam Rubber Research Institute									Head of the Institute
15.15	Ba Ria Rubber Joint Stock Company									Chairman of the BOD
15.16	Quang Nam Rubber One Member Co., Ltd									Chairman of the Members' Council
15.17	Nam Giang – Quang Nam Rubber One Member Co., Ltd									Chairman of the Members' Council

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
16	Hoang Don Huan		Person in charge of corporate governance, Authorized Information Disclosure Officer				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	0	0.00%	
16.1	Dinh Thi Can							0		
16.2	Trinh Thi Kim Loan							0		
16.3	Hoang Man Khanh							0		
16.4	Hoang Xuan Truc							0		
16.5	Hoang Thi Bich Hoa							0		
16.6	Tran Thanh Van							0		
16.7	Banh Thi Thuy Hoa							0		
16.8	Trinh Le							0		
16.9	Nguyen Thi Thach							0		
16.10	Trinh Loi							0		
16.11	Le Thi Dinh							0		
16.12	Ho Thi Phuc							0		
17	Luu Thi To Nhu		Acting Chief Accountant				236 Nam Ky Khoi Nghia Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	0	0.00%	
17.1	Nguyen Thi Van							0		
17.2	Luu Bao Linh							0		

No.	Name	Securities trading account (if any)	Position at the company (if any)	NSH No.*	Date of issue	Place of issue	Contact address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of share ownership at the end of the period	Note
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
17.3	Le Thi Hong Mai							0		
17.4	Luu Tuan Cuong							0		
17.5	Le Dat Duy Phuong							0		
17.6	Luong Ho Nhat Mai							0		
17.7	Le Dat Minh Khanh							0		
17.8	Le Dat Quang							0		
17.9	Le Thi Thu Ha							0		
17.10	Le Thi Thu Thao							0		
17.11	Le Dat Huy Vu							0		
17.12	Luu Nguyen Thuy Duong							0		
17.13	Le Dat Nhat Tan							0		
17.14	Le Thi Kim Chau							0		
17.15	Krong Buk - Ratanakirri Rubber Joint Stock Company									Members of BOD
17.16	Mang Yang - Rattanakirri Rubber Joint Stock Company									Head of the Board of Supervisors

2. Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: None

IX. Other significant issues: None

Recipients :

- As above;
- Archived: VT, QT.

**ON BEHALF OF THE BOARD
OF DIRECTORS
CHAIRMAN**



Tran Cong Kha